

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 371/2020/DS-PT
Ngày: 28-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Yến
Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán
Ông Lưu Văn Uẩn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩnh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 363/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 381/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP KT Việt Nam.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ trụ sở: Số 191 B, phường L, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Xuân N, sinh năm 1987.

Chức vụ: Chuyên viên (theo văn bản ủy quyền ngày 07/02/2020).

Địa chỉ: số 191 B, phường L, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: Tầng 15, số 9-11 đường T, phường B, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Trường T, sinh năm 1980.

2. Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Số 50 đường V, Khu phố 1, thị trấn B, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Trường T.

(Bà N, ông T có mặt tại phiên tòa; bà N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Ngọc Xuân N đại diện cho nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 22/10/2013, Ngân hàng TMCP KT Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Trường T, bà Nguyễn Thị Kim N có ký hợp đồng tín dụng số 17242/HĐTD/TH-TN/TCB-HHU ngày 22/10/2013 và khế ước nhận nợ ngày 24/10/2013. Nội dung hợp đồng thể hiện, Ngân hàng thỏa thuận cho ông T, bà N vay số tiền 450.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 84 tháng từ ngày giải ngân, lãi suất 9,99%/năm.

Để bảo đảm khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 17242/HĐTD/TH-TN/TCB-HHU 22/10/2013 thì bên ông Nguyễn Trường T có thể chấp tài sản riêng của ông T là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 18, diện tích 382,10m², đất tọa lạc tại thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo hợp đồng thế chấp số 17242/HĐTC/-BĐS/TCB 23/10/2013. Ngày 24/10/2013, Ngân hàng đã giải ngân cho ông T, bà N nhận số tiền vay là 450.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng. Ông T, bà N không trả bất kỳ khoản nợ gốc và lãi nào theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Ngân hàng đã thông báo đến cho ông T, bà N biết nhưng ông T, bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.

Ngày 21/5/2014, ông T và Ngân hàng đã ký biên bản bàn giao tài sản thế chấp tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bến Lức. Theo nội dung biên bản thì ông T đồng ý bàn giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 18, diện tích 382,10m², đất tọa lạc tại thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức cho Ngân hàng bán thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp tài sản số 17242/HĐTC/-BĐS/TCB ngày 23/10/2013. Sau đó, Ngân hàng đã bán tài sản thế chấp được số tiền 471.782.080 đồng, sau khi khấu trừ chi phí bán đấu giá và các chi phí khác với số tiền 39.368.331 đồng, số tiền còn lại 432.368.869 đồng Ngân hàng đã trừ vào số tiền nợ gốc của ông T 450.000.000 đồng, nên dư nợ gốc của ông T còn lại 17.631.131 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Trường T, bà Nguyễn Thị Kim N phải trả cho Ngân hàng TMCP KT Việt Nam toàn bộ số tiền nợ gốc 17.631.131 đồng và lãi tạm tính đến ngày 07/5/2020 là 172.789.759 đồng, tổng cộng: 190.420.890 đồng.

- Yêu cầu ông Nguyễn Trường T, bà Nguyễn Thị Kim N tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết cho đến khi ông T, bà N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Trường T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Ông Nguyễn Trường T và bà Nguyễn Thị Kim N là vợ chồng. Ngày 22/10/2013, ông T, bà N và Ngân hàng TMCP KT Việt Nam có ký hợp đồng tín dụng số 17242/HĐTD/TH-TN/TCB-HHU ngày 24/10/2013 và khế ước nhận nợ ngày 24/10/2013. Theo nội dung của hợp đồng, Ngân hàng cho ông T, bà N vay số tiền 450.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 84 tháng từ ngày giải ngân, lãi suất 9,99%/năm.

Để bảo đảm khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 17242/HĐTD/TH-TN/TCB-HHU ngày 22/10/2013 thì ông T có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 18, diện tích 382,10m², đất tọa lạc tại thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo hợp đồng thế chấp số 17242/HĐTC/-BĐS/TCB 23/10/2013. Ngày 24/10/2013, ông T và bà N đã nhận số tiền vay là 450.000.000 đồng từ Ngân hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng đã thông báo đến cho ông T, bà N biết nhưng vì làm ăn thua lỗ nên ông T, bà N không có khả năng thanh toán tiền cho Ngân hàng, nên ngày 21/5/2014 ông T đã ký biên bản bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng bán để trả nợ theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Ông T cho rằng, theo thỏa thuận khi ông T giao tài sản cho Ngân hàng bán thì Ngân hàng sẽ xóa nợ toàn bộ cho ông T. Đến khi Ngân hàng khởi kiện thì ông T mới biết là ông T còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 17.631.131 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Do đó, ông T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, bà N đại diện cho Ngân hàng vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện. Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Trường T, bà Nguyễn Thị Kim N liên đới trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 17.631.131 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày 29/6/2020 là 173.176.517 đồng, tổng cộng là 190.807.648 đồng và yêu cầu ông T, bà N tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết cho đến khi ông T, bà N thanh toán xong toàn bộ khoản tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày trước đó. Ông T cho rằng khi Ngân hàng thẩm định tài sản thế chấp để cho vay thì giá trị tài sản thế chấp lúc nào cũng cao hơn số tiền mà Ngân hàng cho khách hàng vay. Vì vậy, khi Ngân hàng bán tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 59 không thông báo cho ông T biết làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T nên ông T không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa các bên nhưng kết quả không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020 của

Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 405, Điều 406, Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 90, 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KT Việt Nam về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Nguyễn Trường T, bà Nguyễn Thị Kim N.

1. Buộc ông Nguyễn Trường T, bà Nguyễn Thị Kim N có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP KT Việt Nam số tiền nợ gốc 17.631.131 đồng và tiền nợ lãi 173.176.517 đồng (tính đến ngày 29/6/2020), tổng cộng là 190.807.648 đồng (Một trăm chín mươi triệu, tám trăm lẻ bảy nghìn, sáu trăm bốn mươi tám đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 30/6/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 17242/HĐTD/TH-TN/TCB-HHU ngày 22/10/2013.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Trường T, bà Nguyễn Thị Kim N liên đới chịu 9.540.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP KT Việt Nam 4.588.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000.1342 ngày 23/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/6/2020 bị đơn ông Nguyễn Trường T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, không đồng ý trả vốn vay và tiền lãi theo yêu cầu của Ngân hàng vì phía Ngân hàng đã bán hết phần đất mà ông đã thế chấp, trong khi giá trị thực tế của đất cao hơn số tiền mà ông đã vay rất nhiều.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, đại diện nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc Xuân N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Trường T, bà Nguyễn Thị Kim N phải trả cho Ngân hàng TMCP KT Việt Nam toàn bộ số tiền nợ gốc 17.631.131 đồng và lãi tạm tính đến ngày 07/5/2020

là 172.789.759 đồng, tổng cộng 190.420.890 đồng. Bị đơn ông Nguyễn Trường T vẫn giữ yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KT Việt Nam vì năm 2014 ông T đã bàn giao toàn bộ tài sản thế chấp cho Ngân hàng bán để thu hồi nợ. Ông không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của Ngân hàng mà chỉ đồng ý trả số tiền vốn gốc 17.631.131 đồng còn nợ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Theo hợp đồng tín dụng ngày 22/10/2013 giữa Ngân hàng TMCP KT Việt Nam và ông Nguyễn Trường T, bà Nguyễn Thị Kim N thì ông T và bà N vay của Ngân hàng số tiền 450.000.000 đồng và thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 59, tờ bản đồ số 18, diện tích 382,1m² tại thị trấn Bến Lức để đảm bảo cho khoản tiền vay. Do không có khả năng trả nợ, nên ngày 21/5/2014 ông T và Ngân hàng đã ký biên bản bàn giao tài sản là thửa đất số 59. Ngày 17/6/2016, Ngân hàng đã thu số tiền 432.368.869 đồng của ông T trừ vào vốn gốc từ tài sản bán đấu giá (sau khi đã trừ các chi phí thẩm định, đấu giá là 39.368.331 đồng), ông T còn nợ lại Ngân hàng số tiền 17.631.131 đồng vốn gốc. Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông T và bà N liên đới trả cho Ngân hàng số tiền nợ lãi 173.176.517 đồng là không phù hợp vì ngày 17/6/2016 hợp đồng tín dụng đã được thanh lý bằng việc xử lý tài sản thế chấp nên ông T chỉ phải chịu lãi của hợp đồng tín dụng trên từ ngày 24/10/2013 đến ngày 17/6/2016, không phải chịu tiền lãi đối với số tiền gốc 17.631.131 đồng từ ngày 17/6/2016 đến ngày 29/6/2020. Hơn nữa, sau khi thanh lý tài sản Ngân hàng cũng không thông báo cho ông T biết về số tiền vốn gốc còn nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T. Vì các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Trường T, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trường T được thực hiện đúng quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được tổng đạt thủ tục tố tụng hợp lệ. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Kim N.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP KT Việt Nam khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Nguyễn Trường T, bà Nguyễn Thị Kim N. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Bến Lức nên Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[4] Về nội dung vụ án:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Trường T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Ông T chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP KT Việt Nam 17.631.131 đồng vốn vay, không đồng ý trả 173.176.517 đồng tiền lãi theo yêu cầu của Ngân hàng.

[4.1] Phần các đương sự thống nhất: Ngày 22/10/2013, Ngân hàng TMCP KT Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Trường T, bà Nguyễn Thị Kim N có ký hợp đồng tín dụng số 17242/HĐTD/TH-TN/TCB-HHU ngày 22/10/2013 và khế ước nhận nợ ngày 24/10/2013. Nội dung hợp đồng thể hiện, Ngân hàng thỏa thuận cho ông T, bà N vay số tiền 450.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 84 tháng từ ngày giải ngân, lãi suất 9,99%/năm. Để bảo đảm khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 17242/HĐTD/TH-TN/TCB-HHU 22/10/2013, ông Nguyễn Trường T có thể chấp tài sản riêng của ông T là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 18, diện tích 382,10m², đất tọa lạc tại thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo hợp đồng thế chấp số 17242/HĐTC/-BDS/TCB 23/10/2013. Ngày 24/10/2013, Ngân hàng đã giải ngân cho ông T, bà N nhận số tiền vay là 450.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng. Ngày 21/5/2014, ông T và Ngân hàng đã ký biên bản bàn giao tài sản thế chấp tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bến Lức. Theo nội dung biên bản thì ông T đồng ý bàn giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 18, diện tích 382,10m², đất tọa lạc tại thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức cho Ngân hàng bán thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp tài sản số 17242/HĐTC/-BDS/TCB ngày 23/10/2013. Sau đó, Ngân hàng đã bán tài sản thế chấp được số tiền 471.782.080 đồng, sau khi khấu trừ chi phí bán đấu giá và các chi phí khác với số tiền 39.368.331 đồng, số tiền còn lại 432.368.869 đồng Ngân hàng đã trừ vào số tiền nợ gốc của ông T 450.000.000 đồng, nên dư nợ gốc của ông T còn lại 17.631.131 đồng.

[4.2] Phần các đương sự không thống nhất: Ông Nguyễn Trường T cho rằng, theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba vào ngày 23/10/2013 giữa ông và Ngân hàng TMCP KT Việt Nam, Ngân hàng đã định giá trị tài sản thế chấp của ông là 764.200.000 đồng. Ngày 21/5/2014, ông T và Ngân hàng đã ký biên bản bàn giao tài sản thế chấp để Ngân hàng bán tài sản của ông và thu hồi nợ vì sau khi vay tiền, ông không có tiền trả vốn vay và tiền lãi theo thỏa thuận cho Ngân hàng. Vì thời gian bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng là 07 tháng sau kể từ ngày vay nên theo ông tài sản thế chấp bán đủ trả vốn vay và tiền lãi cho Ngân hàng. Từ thời điểm bàn giao tài sản cho đến năm 2017 ông có điện thoại liên hệ với Giám đốc Ngân hàng xin chuộc lại đất thì Ngân hàng nói với ông đất đã chuyển giao cho bên bán đấu giá và đã bán rồi, Ngân hàng cũng không thông báo với ông T là ông còn nợ lại 17.631.131 đồng vốn gốc và phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền trên.

Ngân hàng trình bày rằng việc bán tài sản thế chấp của ông T và bà N, Ngân hàng đã ủy quyền cho công ty bán đấu giá. Việc Ngân hàng không thông báo cho ông T và bà N biết vì khi vay tiền của Ngân hàng thì ông T và bà N có nghĩa vụ liên hệ với Ngân hàng để biết tình trạng khoản vay.

Thấy rằng: Theo hồ sơ do phía Ngân hàng cung cấp thể hiện tại Tờ trình thu nợ và Giấy đề nghị hạch toán thu nợ ngày 29/4/2016, giá bán đấu giá tài sản ông T thế chấp thành công là 471.782.080 đồng, Ngân hàng đã thu hồi nợ số tiền 424.703.872 đồng vốn gốc, các chi phí khác là 39.368,331 đồng. Không có văn bản nào giữa Ngân hàng và ông T, bà N thể hiện ông T và bà N còn nợ Ngân hàng số tiền 17.631.131 đồng vốn gốc (sau khi đã bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ) và phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền vốn gốc và tiền lãi cho Ngân hàng. Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh sau khi Ngân hàng đã bán tài sản thế chấp nhưng tiền bán tài sản không đủ để thu hồi nợ và Ngân hàng đã có văn bản thông báo ông T và bà N biết họ còn nợ Ngân hàng số tiền 17.631.131 đồng vốn gốc và phải có nghĩa vụ trả tiếp số tiền vốn gốc và tiền lãi này. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà N có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng 17.631.131 đồng vốn vay và 173.176.517 đồng tiền lãi tính từ ngày giải ngân đến ngày 29/6/2020 là không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trường T, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông T và bà N có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP KT Việt Nam 17.631.131 đồng vốn vay và 162.561.352 đồng tiền lãi; không chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng TMCP KT Việt Nam đối với số tiền lãi 10.615.165 đồng (tiền lãi tính trên số tiền vốn gốc 17.631.131 đồng từ ngày 17/6/2016 đến ngày 29/6/2020) là có căn cứ.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Trường T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trường T.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Căn cứ vào các Điều 26, 37, 39, 147, 148, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 90, 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KT Việt Nam về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Nguyễn Trường T, bà Nguyễn Thị Kim N.

1.1. Buộc ông Nguyễn Trường T, bà Nguyễn Thị Kim N có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP KT Việt Nam số tiền nợ gốc 17.631.131 đồng và tiền nợ lãi 162.561.352 đồng (tính đến ngày 29/6/2020), tổng cộng là 180.192.483 đồng (Một trăm tám mươi triệu, một trăm chín mươi hai nghìn, bốn trăm tám mươi ba đồng).

1.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng TMCP KT Việt Nam cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 17242/HĐTD/TH-TN/TCB-HHU ngày 22/10/2013.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KT Việt Nam về việc buộc ông Nguyễn Trường T, bà Nguyễn Thị Kim N phải trả tiền lãi, số tiền 10.615.165 đồng (Mười triệu sáu trăm mười lăm nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Trường T, bà Nguyễn Thị Kim N liên đới chịu 9.009.624 đồng (Chín triệu không trăm lẻ chín nghìn sáu trăm hai mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP KT Việt Nam phải chịu 530.758 đồng (Năm trăm ba mươi nghìn, bảy trăm năm mươi tám đồng) án phí nhưng được trừ vào 4.588.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001342 ngày 23/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP KT Việt Nam số tiền 4.057.292 đồng (Bốn triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, hai trăm chín mươi hai đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Trường T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002130 ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An cho ông T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Ngọc Yến